

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Thanh Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 1, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2022, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Hà Thị M (bà M) trình bày:* Bà M và ông Phan Văn T (ông T) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S ngày 04/6/2010. Sau hai năm chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M bị bệnh nặng, phải điều trị dài ngày nhưng ông T không quan tâm chăm sóc, bỏ bê vợ con. Hiện nay bà M

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà M trong lúc ốm đau, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Th – sinh ngày 18/02/2010. Từ nhỏ cháu đã sống chung với bà M. Ly hôn, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Th cho bà M nuôi dưỡng; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn ông T; giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà M có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M, ông T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 04/06/2010 đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà M, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân bà M bị bệnh nặng, phải điều trị dài ngày nhưng ông T không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà M trong lúc bà M bệnh, dẫn đến bà M và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhưng ông T không có mặt làm việc, không có thiện chí hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, chính quyền địa phương xã

Xuân Hải cũng xác nhận bà M và ông T đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài. Do đó, có căn cứ thấy rằng mâu thuẫn giữa bà M, ông T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn ông T.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Th – sinh ngày 18/02/2010. Từ nhỏ cháu đã sống chung với bà M. Do đó, bà M yêu cầu giao cháu Th cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của cháu Th nên được chấp nhận. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hà Thị M được ly hôn ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Th – sinh ngày 18/02/2010. Giao bà Hà Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Ngọc Thạch. Ông Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn bà Hà Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003437 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Hải (01);
- Ấn văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Phạm Thị Ngọc Tiên**